TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** TỈNH H ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 49/2024/QĐST- DS	*M, ngày 18 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 24/2024/TLST - DS ngày 02/10/2024.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự giữa:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị N – Sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn C, xã C, thị xã M, tỉnh H

Bị đơn: Anh Đỗ Đình V – Sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh H

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Khúc Thị Hà – Sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn C, xã C, thị xã M, tỉnh H

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Vũ Thị N, anh Đỗ Đình V và chị Khúc Thị Hà xác định: Khoản tiền vay 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) là khoản vay cá nhân của anh Đỗ Đình V vay bà Vũ Thị N.

Tính đến ngày 08/11/2024 anh Đỗ Đình V còn nợ bà Vũ Thị N số tiền gốc và lãi là 897.300.000đ (*Tám trăm chín mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng*). Trong đó tiền gốc là 500.000.00đ (*Năm trăm triệu đồng*), tiền lãi là 397.000.000đ (*Ba trăm chín mươi bảy triệu đồng*).

Hai bên thống nhất phương án và kỳ hạn trả số tiền gốc, lãi mà anh V sẽ trả bà N như sau:

Ngày 30/11/2024 trả số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

Ngày 30/12/2024 trả số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

Số tiền còn lại là 877.300.000đ (*Tám trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm*

nghìn đồng) chia làm 4 quí và sẽ trả hết trong năm 2025 cụ thể như sau:

Ngày 31/03/2025 trả 219.000.000đ (*Hai trăm mười chín triệu đồng*)

Ngày 30/6/2025 trả 219.000.000đ (*Hai trăm mười chín triệu đồng*)

Ngày 30/9/2025 trả 219.000.000đ (*Hai trăm mười chín triệu đồng*)

Ngày 30/12/2025 trả 220.300.000đ (*Hai trăm hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng*).

Trường hợp anh V vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào như đã thỏa thuận, bà N có đơn yêu cầu thi hành án, anh V chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất do bên được thi hành án và bên phải thi hành án thỏa thuận; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.Án phí: Bà Vũ Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà N thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Buộc anh Đỗ Đình V phải chịu 19.459.500đ (*Mười chín triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND thị xã M;*
- *Chi cục THADS thị xã M;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Thẩm phán

Nguyễn Thị Tân Huyền